

GIỚI THIỆU

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo TT 04/2025/TT-BGDĐT)

GOING WITH
CHUYÊN NGHIỆP CHÍNH XÁC TIN CẬY
QUALITY



Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /2025/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

- Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2025.
- Thông tư này thay thế Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học.

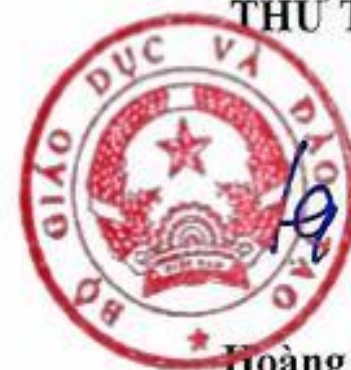
Điều 46. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Viện trưởng các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ; Hiệu trưởng hoặc Giám đốc các cơ sở đào tạo khác được phép hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; Người đứng đầu cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm; Giám đốc các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 46;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Minh Sơn

Phạm vi điều chỉnh

- Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT
- Quy trình thực hiện kiểm định
- Chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT

Đối tượng áp dụng

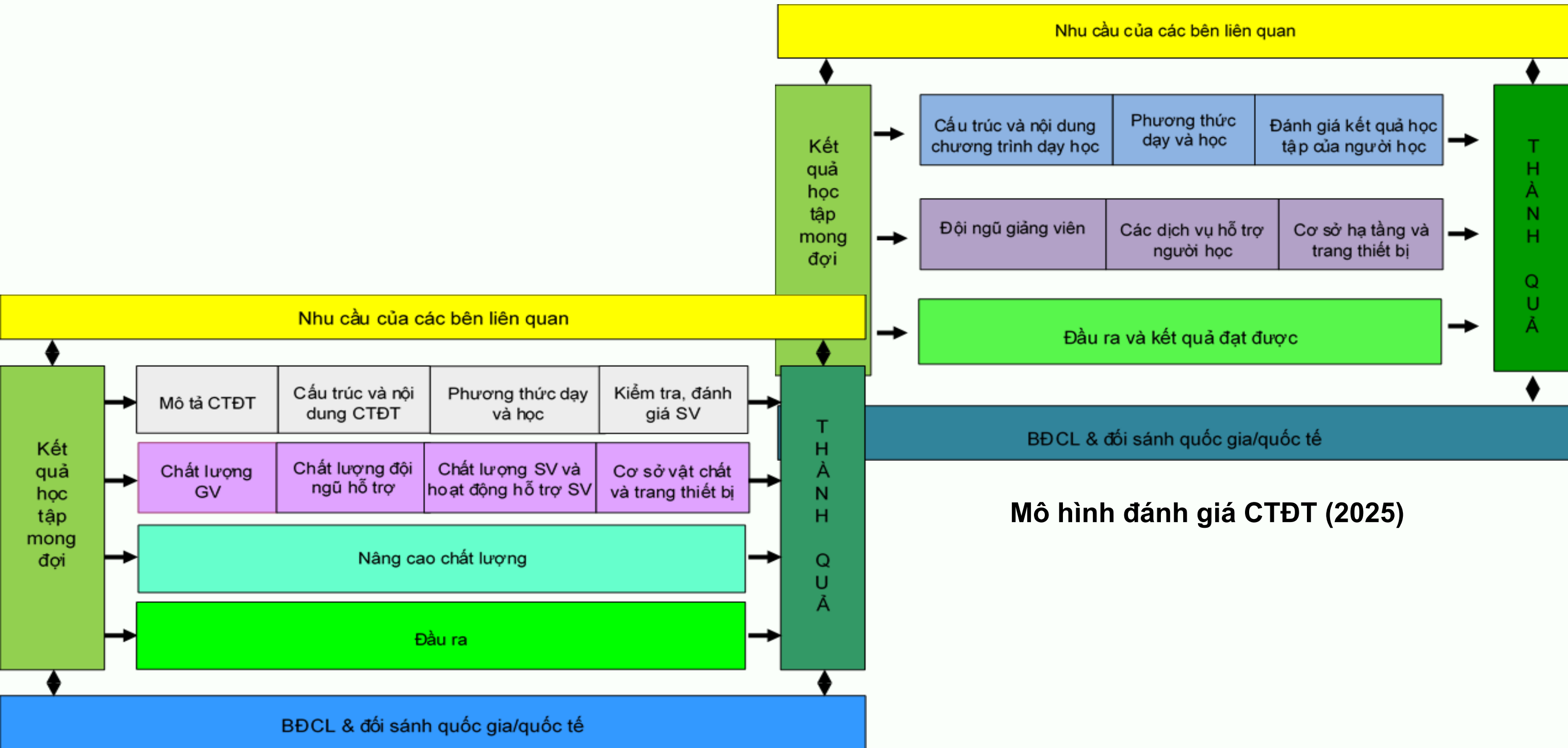
- CSGD ĐH, đơn vị có đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS.
- Các tổ chức KĐCLGD trong nước
- CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm (Quy trình đánh giá, thẩm định và công nhận)
- Thay thế TT 38/2013/TT-BGDĐT; TT 04/2016/TT-BGDĐT; TT 39/2020/TT-BGDĐT; TT 33/2014/TT-BGDĐT; TT 49/2012/TT-BGDĐT; TT 23/2011/TT-BGDĐT

Một số khái niệm

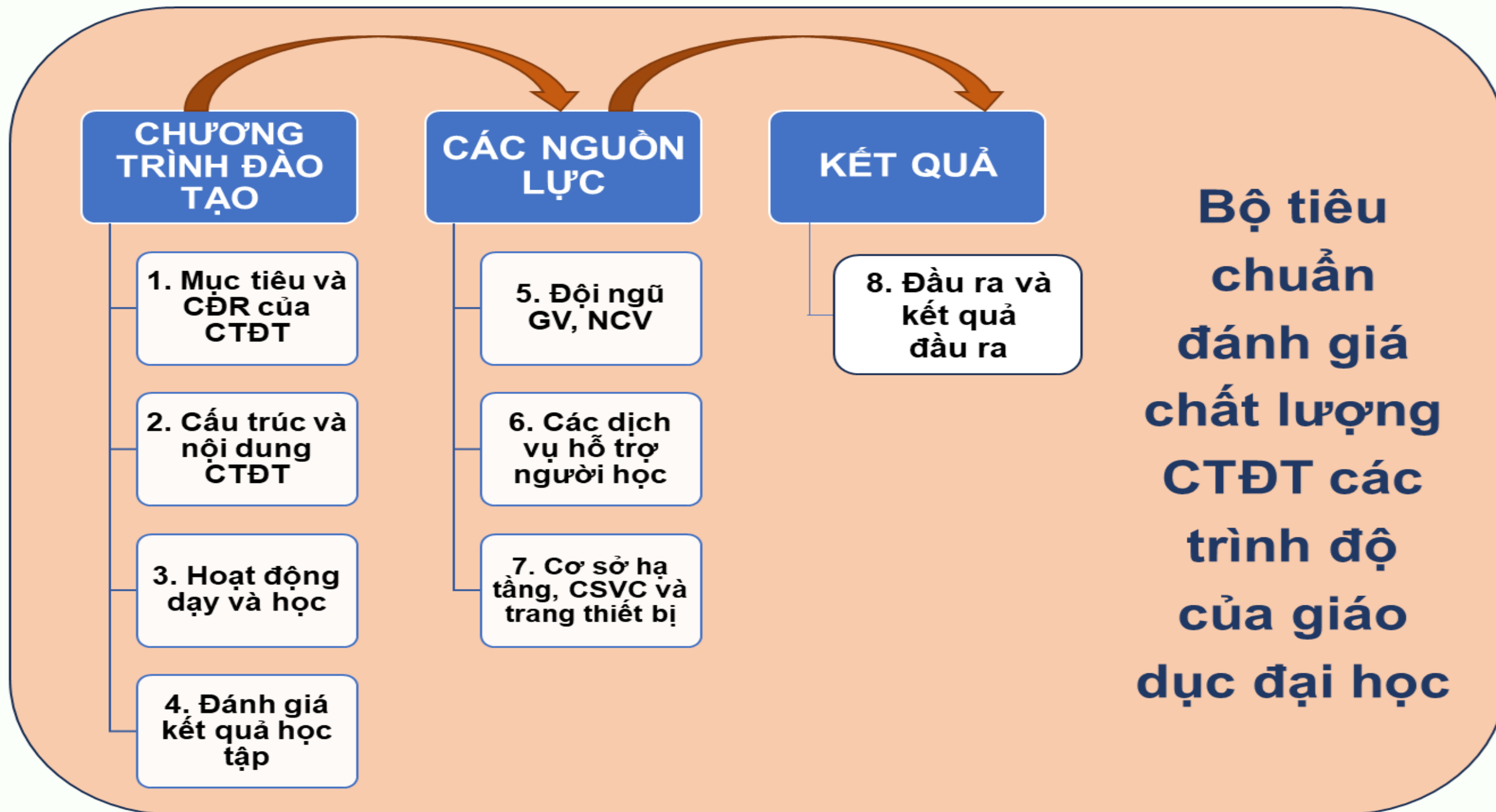
CTĐT	Chất lượng của CTĐT	Tiêu chí điều kiện	Đánh giá chất lượng CTĐT	Tự đánh giá chất lượng CTĐT	Đánh giá ngoài chất lượng CTĐT	Kiểm định chất lượng CTĐT
Đối sánh	Mục tiêu của CTĐT	Bản mô tả CTĐT	Chuẩn CTĐT	CĐR CTĐT	Triết lý giáo dục	Phục vụ cộng đồng

- **Chương trình đào tạo** là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng GDĐH cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với VQF.

BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT



CẤU TRÚC BỘ TIÊU CHUẨN (8 tiêu chuẩn, 52 tiêu chí)



MỐI LIÊN HỆ GIỮA 8 TIÊU CHUẨN TRONG BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CTĐT

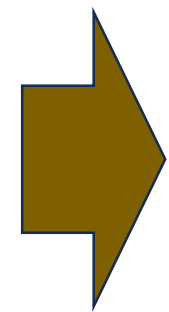
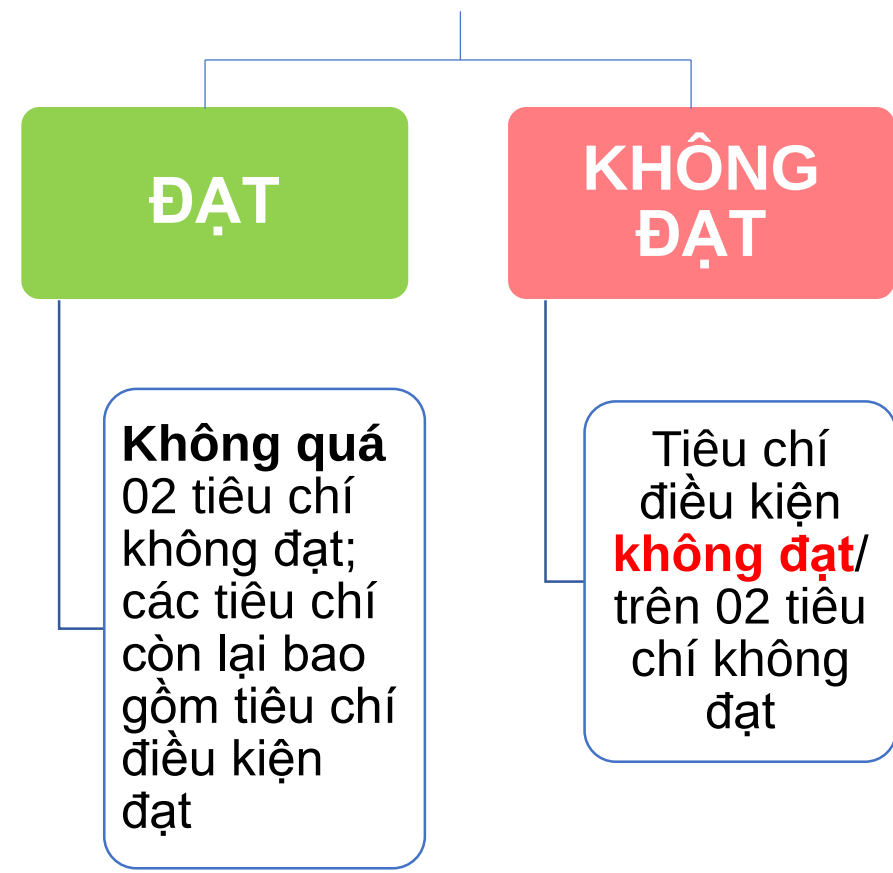
	1	2	3	4	5	6	7	8
1	1.1 1.2 1.3 1.4 1.5 1.6	2.1 2.2 2.3 2.4	3.2 3.3 3.4	4.1 4.4 4.5	5.3	6.3 6.4 6.5		8.4 8.5
2	1.1 1.2 1.3 1.4	2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6 2.7	3.2 3.3 3.4	4.1 4.2 4.3 4.4	5.3	6.3 6.4 6.5		8.4 8.5
3	1.1 1.2 1.3 1.4	2.1 2.2 2.4	3.1 3.2 3.3 3.4 3.5	4.1	5.3		7.1 7.2 7.3 7.4 7.5	8.5
4	1.1 1.2 1.3 1.4	2.1 2.2 2.4 2.5	3.1 3.2 3.3 3.5	4.1 4.2 4.3 4.4 4.5 4.6 4.7	5.3	6.3 6.4 6.5	7.5	8.5

	1	2	3	4	5	6	7	8
5	1.1 1.2 1.3 1.5	2.1 2.2 2.3 2.4 2.5 2.6 2.7	3.1 3.2 3.3 3.4 3.5 3.6	4.1 4.2 4.3 4.4 4.5 4.6	5.1 5.2 5.3 5.4 5.5 5.6 5.7 5.8	6.3 6.4 6.5	7.1 7.2 7.3 7.4	8.3 8.4 8.5
6		2.1	3.1 3.2 3.3 3.4	4.1 4.2 4.3	5.3	6.1 6.2 6.3 6.4 6.5 6.6	7.2 7.3 7.4 7.5 7.6 7.7 7.8	8.3 8.4 8.5
7	1.5		3.2 3.3 3.4			6.2 6.3 6.6	7.1 7.2 7.3 7.4 7.5 7.6 7.7 7.8	8.3
8	1.5 1.6	2.1 2.5 2.6	3.2 3.3 3.4	4.2 4.3 4.6	5.2 5.3 5.7	6.4 6.4	7.1 7.2 7.3 7.4	8.1 8.2 8.3 8.4 8.5

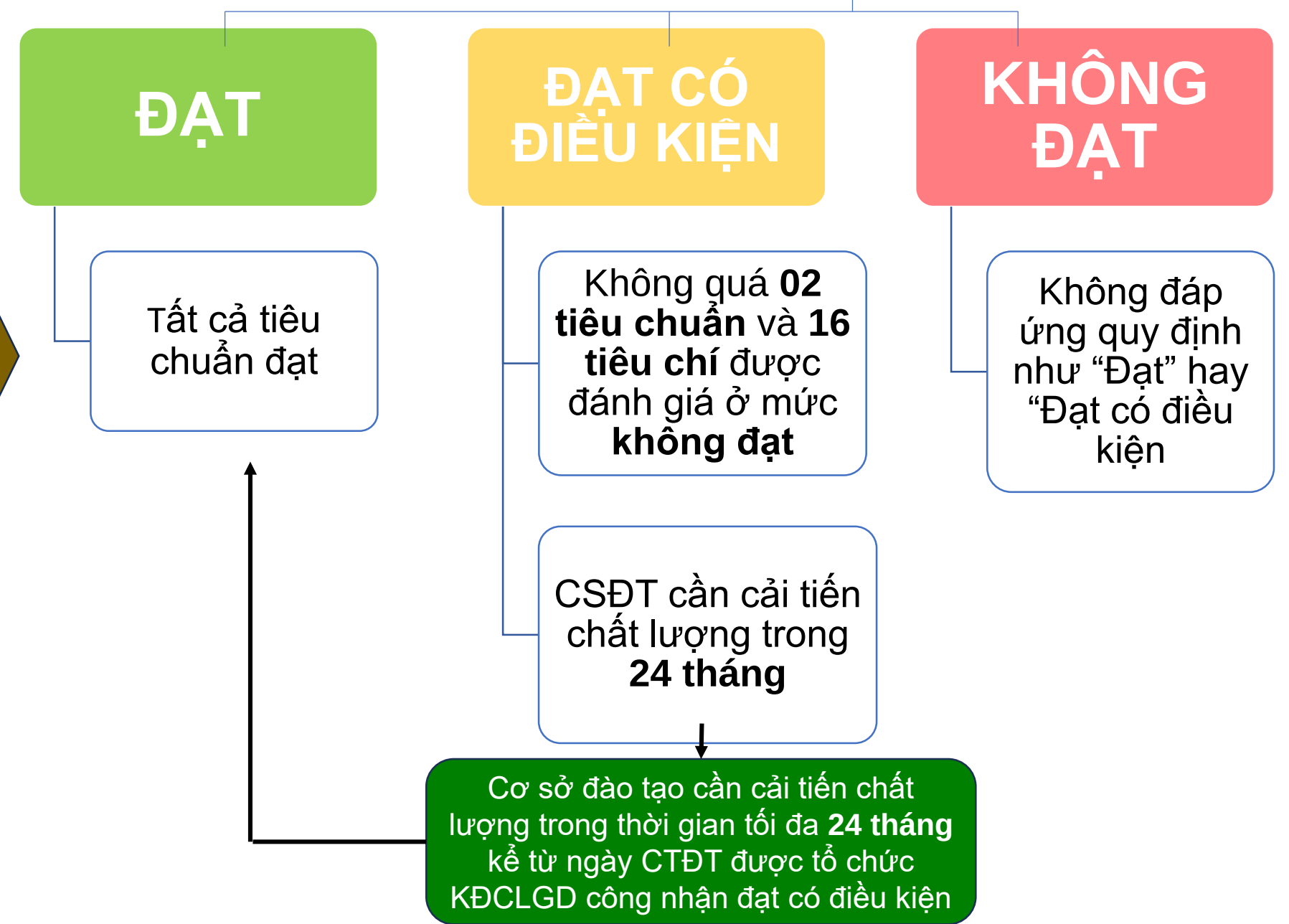
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CTĐT

- Đạt: tất cả tiêu chuẩn được đánh giá ĐẠT => được công nhận trong 5 năm.
- Đạt có điều kiện: có không quá 02 tiêu chuẩn và 16 tiêu chí được đánh giá ở mức KHÔNG ĐẠT (Để có kết quả đánh giá ở mức đạt, CSĐT cần cải tiến chất lượng trong thời gian tối đa 24 tháng kể từ ngày CTĐT được tổ chức KĐCLGD công nhận đạt có điều kiện => được công nhận chỉ 2 năm.
- Không đạt: không đáp ứng quy định như “Đạt” hay “Đạt có điều kiện”.
- Đối với CTĐT được đánh giá đạt ở chu kỳ trước, nếu tiếp tục được đánh giá ở mức đạt với tỷ lệ tiêu chuẩn, tiêu chí đạt cao hơn chu kỳ trước đồng thời kết quả cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu, cơ bản khắc phục được các điểm yếu đã chỉ ra từ chu kỳ trước thì chu kỳ kiểm định chất lượng tiếp theo là 07 năm.

MỨC ĐẠT CỦA TIÊU CHUẨN



MỨC ĐẠT CỦA CTĐT



MỨC ĐÁNH GIÁ CỦA TIÊU CHÍ (2 MỨC)

ĐẠT

- CSĐT có cách **tiếp cận chính thức về BĐCL**
- **Có hệ thống và triển khai các hoạt động rõ ràng, chặt chẽ, nhất quán** với chính sách/quy định/quy trình có liên quan để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí; có **minh chứng về một số cải tiến thường xuyên**

KHÔNG ĐẠT

- CSĐT **không có cách tiếp cận chính thức** về BĐCL
- **Không có** hệ thống với các chính sách/quy định/quy trình phù hợp có liên quan để đáp ứng tiêu chí;
- Hoặc có các chính sách/quy định/quy trình nhưng **không được áp dụng** nhất quán/chính thức để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;
- Không có minh chứng về sự cải tiến chất lượng.

Tổ chức KĐCLGD **quy định chi tiết hơn về các mức đạt, không đạt** yêu cầu tiêu chí, đồng thời **xây dựng hướng dẫn đánh giá** giúp cơ sở đào tạo biết thực trạng để cải tiến chất lượng CTĐT.

Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT

- 8 tiêu chuẩn, 52 tiêu chí (**10 tiêu chí điều kiện**);
Mỗi tiêu chuẩn có nhiều tiêu chí và có tối thiểu một tiêu chí điều kiện.

Tiêu chuẩn	Số Tiêu chí	Tiêu chí điều kiện
1	6	2
2	7	2
3	5	1
4	7	1
5	8	1
6	6	1
7	8	1
8	5	1

10 TIÊU CHÍ ĐIỀU KIỆN

(Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT, ngày 17/2/2025)

TC 1.3:

CĐR của CTĐT phù hợp với Khung TĐQGVN và chuẩn CTĐT nhóm ngành

TC 1.6:

CĐR của CTĐT được đo lường đánh giá tại thời điểm tốt nghiệp

TC 2.2:

Cấu trúc và nội dung của CTĐT

TC 2.4:

Đóng góp của từng học phần vào CĐR

TC 3.2:

Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với CĐR của CTĐT

TC 4.5:

Các phương pháp đánh giá KQHT

TC 5.2:

Số lượng và chất lượng đội ngũ GV, NCV

TC 6.1:

Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh

TC 7.3:

Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu CNTT-truyền thông.

TC 8.2:

Tỉ lệ việc làm, bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ

- Tiêu chí điều kiện là tiêu chí có kết quả đánh giá bắt buộc phải ở mức "đạt", là tiêu chí cốt lõi.
- Chỉ cần **không đạt 1 tiêu chí điều kiện** -> CTĐT chỉ có thể "đạt có điều kiện" (2 năm) hoặc không đạt.

PHÂN TÍCH NỘI HÀM TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CĐR CỦA CTĐT

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
1.1	Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của CSĐT; phù hợp với mục tiêu của GDĐH theo quy định tại Luật GDĐH.
1.2	CĐR của CTĐT được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của CSĐT và được phổ biến đến các bên liên quan.
1.3	CĐR của CTĐT phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn CTĐT nhóm ngành, bao gồm CĐR chung và CĐR chuyên biệt.
1.4	CĐR của tất cả các học phần phải phù hợp và tương thích với CĐR của CTĐT đã công bố.
1.5	CĐR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên ngoài.
1.6	CĐR được đo lường đánh giá tại thời điểm tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn năm 2016	Số tiêu chí (2016)	Tiêu chuẩn năm 2025	Số tiêu chí (2025)	Sự điều chỉnh và nội hàm thay đổi
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	3	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	6	- Tiêu chí 1.3: nhấn mạnh VQF, và TT 17/2021/TT-BGDĐT. - Tiêu chí 1.4: Nội hàm không mới, nhấn mạnh xây dựng CĐR HP rõ ràng, tương thích CĐR CTĐT. - Tiêu chí 1.6: tiêu chí mới yêu cầu về CĐR được đánh giá tại thời điểm tốt nghiệp.

Tiêu chí điều kiện 1.3

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (1)	Yêu cầu của tiêu chí (2)	Minh chứng gợi ý (3)
Tiêu chí 1.3 [Tiêu chí điều kiện]: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt.	1. Trong quá trình xây dựng, rà soát CĐR, CTĐT có thực hiện việc phân tích sự phù hợp của CĐR với yêu cầu về năng lực của NH tốt nghiệp quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT nhóm ngành đào tạo và quy định hiện hành. 2. CĐR của CTĐT bao gồm các CĐR chung liên quan đến kiến thức, kỹ năng phát triển năng lực học tập suốt đời và CĐR chuyên biệt liên quan đến kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành.	- Các quy định, hướng dẫn liên quan được tham chiếu khi xây dựng, vận hành và phát triển CĐR của CTĐT. - Quy định/ quy trình/ hướng dẫn/ công cụ về xây dựng, phát triển chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT. - Văn bản công bố CĐR của CTĐT. - Bảng phân loại các CĐR và CĐR chuyên biệt của CTĐT. - Quy trình xây dựng, phát triển CĐR của CTĐT có thể hiện các bước đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn CTĐT nhóm ngành. - Phân tích, đối sánh mức độ phù hợp, gắn kết giữa CĐR của CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở trình độ đào tạo cụ thể của CTĐT. - Báo cáo phân tích từng CĐR chung và chuyên biệt đáp ứng các yêu cầu của các BLQ bên trong, các BLQ bên ngoài.

Tiêu chí điều kiện 1.6

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (1)	Yêu cầu của tiêu chí (2)	Minh chứng gợi ý (3)
Tiêu chí 1.6 [Tiêu chí điều kiện]: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.	1. CSĐT/CTĐT xác lập và triển khai một cách nhất quán quy trình/phương pháp đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Phương pháp và dữ liệu thu thập phản ánh mức độ đạt CĐR của NH tại thời điểm tốt nghiệp. 2. Phương pháp thu thập dữ liệu đo lường mức độ đạt được CĐR đa dạng; GV dạy CTĐT tham gia vào hoạt động đo lường mức độ đạt CĐR. 3. CTĐT thiết lập kế hoạch hành động, các hoạt động để cải tiến mức độ đạt CĐR của HP và CĐR của CTĐT, giám sát kế hoạch cải tiến.	- Quy định/ quy trình/ hướng dẫn/ công cụ về hoạt động NH đánh giá mức độ đạt CĐR của HP và CTĐT. - Kế hoạch triển khai đo lường mức độ đạt CĐR của NH; có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia; phương thức triển khai. - Cách thức giám sát, đo lường mức độ NH đạt được các CĐR ở cấp học phần và cấp CTĐT cho đến thời điểm tốt nghiệp. - Kết quả đo lường, đánh giá CĐR học phần, CĐR CTĐT. - Minh chứng cho thấy hoạt động đánh giá đạt CĐR được thực hiện định kỳ (theo quy định/ theo khóa NH tốt nghiệp), được đối sánh và sử dụng làm cơ sở cho giải pháp/hoạt động cải tiến chất lượng (CTCL) đối với CĐR của CTĐT/CSĐT.

TIÊU CHUẨN 2: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CTĐT

Tiêu chí		Nội dung tiêu chí		
2.1		Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, được phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.		
2.2		Cấu trúc và nội dung của CTĐT được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được CĐR và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.		
2.3		Cấu trúc và nội dung của CTĐT được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.		
2.4		Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT là rõ ràng.		
2.5		CTĐT có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.		
2.6		Cấu trúc và nội dung của CTĐT thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, NCKH, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân		
2.7		Cấu trúc và nội dung CTĐT được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.		
Tiêu chuẩn 2016	Số tiêu chí (2016)	Tiêu chuẩn 2025	Số tiêu chí (2025)	Sự điều chỉnh và nội hàm thay đổi
Tiêu chuẩn 2: Bản Mô tả CTĐT Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH	3	Gộp vào Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung CTĐT	7 (TC 2.1, 2.2, phần nào 2.4)	- Tiêu chuẩn 2 (TT 04/2025) tích hợp TC 2 và 3 của TT 04/2016: không mới. - Bổ sung quy định về khối lượng học tập phù hợp với quy định (TC 2.1), cấu trúc và nội dung chương trình thể hiện rõ các loại học phần và cho phép người học lựa chọn định hướng nghề nghiệp (Tiêu chí 2.6), yêu cầu đảm bảo tính linh hoạt của CTĐT, phù hợp với học chế tín chỉ.

Tiêu chí điều kiện 2.2

Tiêu chí 2.2 [Tiêu chí điều kiện]: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.	1. CTĐT được thiết kế và phát triển bảo đảm có lộ trình giúp NH đạt được CĐR. 2. CTĐT có khối lượng học tập phù hợp với quy định. 3. GV tham gia giảng dạy HP hiểu và áp dụng được ma trận các môn học hoặc HP với CĐR của CTĐT.	- Bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP được phê duyệt. - Ma trận phân nhiệm các CĐR của CTĐT cho tất cả các HP thuộc CTĐT thể hiện sự thiết kế, phát triển bảo đảm NH đạt được các CĐR. - Bảng trình bày mối liên hệ giữa CĐR của CTĐT với phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá. - Kế hoạch giảng dạy toàn khóa học. - Bản đối sánh khối lượng học tập của CTĐT với quy định tại quy chế đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. - Phương pháp xác định khối lượng học tập các HP và của CTĐT bảo đảm NH hình thành, tích lũy năng lực theo CĐR của CTĐT.
--	--	---

Tiêu chí điều kiện 2.4

Tiêu chí 2.4 [Tiêu chí điều kiện]: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.	1. Đóng góp của từng HP để đạt được CĐR của CTĐT là phù hợp và rõ ràng. 2. CTĐT có sử dụng ý kiến phản hồi của các BLQ về sự phù hợp và đóng góp của từng HP để đạt được CĐR của CTĐT trong quá trình xây dựng/rà soát/cập nhật.	- Bản mô tả CTĐT được phê duyệt. - Ma trận các môn học/HP với CĐR, bảo đảm CĐR của của CTĐT được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành CĐR của các môn học/HP. - ĐCCTHP của tất cả các HP thuộc CTĐT. - Lộ trình đạt được CĐR của CTĐT. - Bản tổng hợp ý kiến đánh giá nhận xét của các BLQ về sự phù hợp và rõ ràng trong đóng góp của từng HP để đạt được CĐR CTĐT.
--	--	--

TIÊU CHUẨN 3: HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
3.1	Triết lý giáo dục của CSĐT được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.
3.2	Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của CTĐT.
3.3	Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.
3.4	Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.
3.5	Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.

Tiêu chuẩn năm 2016	Số tiêu chí (2016)	Tiêu chuẩn năm 2025	Số tiêu chí (2025)	Sự điều chỉnh và nội hàm thay đổi
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	3	Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học	5	- Tiêu chí 3.1: bổ sung triết lý giáo dục được truyền tải vào dạy học - Tiêu chí 3.4 nhấn mạnh về năng lực sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp của NH - Tiêu chí 3.5 là Tiêu chí 10.3 cũ

Tiêu chí điều kiện 3.2

Tiêu chí 3.2 [Tiêu chí điều kiện]: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	1. Có hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy và học tương thích với CĐR của CTĐT, CĐR của các HP. GV tham gia CTĐT có khả năng lựa chọn và triển khai hoạt động dạy và học tương thích với CĐR của CTĐT. 2. Hoạt động dạy và học được thiết kế nhằm giúp NH đạt CĐR của CTĐT. 3. Hoạt động dạy và học của các HP được thiết kế và triển khai tương thích với CĐR của HP. 4. Hoạt động dạy và học trực tuyến trong CTĐT được thiết kế và triển khai phù hợp, bảo đảm tương thích với CĐR như trường hợp tổ chức dạy và học trực tiếp. CTĐT bảo đảm GV có đầy đủ năng lực cần thiết để triển khai hoạt động dạy và học trực tuyến.	- Văn bản hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy và học tương thích với CĐR. - Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng thiết kế hoạt động dạy và học tương thích với CĐR. - Tài liệu hội thảo, hội nghị, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm về việc thiết kế và triển khai hoạt động dạy và học tương thích với CĐR của CTĐT, CĐR học phần. - Bảng ma trận thể hiện quan hệ giữa học phần và CĐR CTĐT. - Bản thiết kế/phân tích hoạt động dạy và học với CĐR CTĐT. - ĐCCTHP. - Báo cáo, biên bản cho thấy các BLQ đánh giá, góp ý về việc hoạt động dạy và học tương thích với CĐR.
--	---	---

TIÊU CHUẨN 4: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
4.1	Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với CĐR của CTĐT.
4.2	Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.
4.3	Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.
4.4	Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.
4.5	Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT.
4.6	Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.
4.7	Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được CĐR của CTĐT, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn năm 2016	Số tiêu chí (2016)	Tiêu chuẩn năm 2025	Số tiêu chí (2025)	Sự điều chỉnh và nội hàm thay đổi
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	5	Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập	7	- Bổ sung yêu cầu: tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến và được triển khai nhất quán (TC 4.3). - Bổ sung yêu cầu: phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT (TC 4.5)

Tiêu chí điều kiện 4.5

Tiêu chí 4.5 [Tiêu chí điều kiện]: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	1. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của từng HP cho tất cả các phương thức đào tạo. 2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của CTĐT cho tất cả các phương thức đào tạo.	- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của CTĐT và CĐR học phần. - Kế hoạch triển khai đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của CTĐT và CĐR học phần của NH; có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia; phương thức triển khai, ... - Báo cáo phân tích các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH thể hiện sự tương thích với CĐR của CTĐT. - Báo cáo phân tích đánh giá mức độ tương thích của đề thi với CĐR của CTĐT. - Báo cáo phân tích phổ điểm, mức độ phân hóa của đề thi các HP.
---	--	--

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
5.1	Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia CTĐT được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và kết nối PVCĐ.
5.2	Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và kết nối PVCĐ.
5.3	Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.
5.4	Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.
5.5	Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ NCKH và kết nối PVCĐ
5.6	Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.
5.7	Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.
5.8	Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.

Tiêu chuẩn năm 2016	Số tiêu chí (2016)	Tiêu chuẩn năm 2025	Số tiêu chí (2025)	Sự điều chỉnh và nội hàm thay đổi
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	7	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	8	Nội hàm tiêu chí không mới

Tiêu chí điều kiện 5.2

Tiêu chí 5.2 [Tiêu chí điều kiện]: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để	1. Số lượng đội ngũ GV, NCV tham gia CTĐT đáp ứng yêu cầu theo các phương thức tổ chức CTĐT theo quy định. 2. Chất lượng đội ngũ GV, NCV đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT theo quy định. 3. Thực hiện việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, NCV để CTCL đào tạo, NCKH và PVCD. 4. Sử dụng kết quả đo lường, giám sát khối lượng, số lượng và chất lượng công việc của GV,	- Văn bản quy định về chế độ làm việc, định mức công việc của GV, NCV. - Bảng trích ngang thông tin về GV, NCV của CTĐT (danh sách bao gồm các thông tin về: thâm niên công tác, cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, học vị, học hàm, các chứng chỉ, vị trí công tác của GV, NCV). - Bảng thống kê số lượng thừa giờ/thiếu giờ giảng dạy, NCKH, PVCD của GV, NCV (bao gồm cả giờ quy đổi, nếu có).
cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.	NCV để CTCL đào tạo, NCKH và PVCD.	- Bản mô tả vị trí việc làm của GV, NCV. - Hồ sơ cán bộ của GV, NCV. - Báo cáo CTCL đào tạo, NCKH và PVCD dựa trên kết quả đo lường, giám sát khối lượng, số lượng và chất lượng công việc của GV, NCV.

Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
6.1	Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của CTĐT; được công bố công khai và được cập nhật.
6.2	Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.
6.3	Kế hoạch ngắn hạn, dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học (học thuật và phi học thuật) được xây dựng, thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và kết nối PVCĐ.
6.4	Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập.
6.5	Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học
6.6	Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn năm 2016	Số tiêu chí (2016)	Tiêu chuẩn năm 2025	Số tiêu chí (2025)	Sự điều chỉnh và nội hàm thay đổi
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	75	Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học	6	- Thông tư 04/2025: tích hợp Tiêu chuẩn về đội ngũ nhân viên và hoạt động hỗ trợ NH. Một phần về đội ngũ nhân viên được quy định trong Tiêu chuẩn 6 và 7 của Thông tư mới. - Tiêu chí 6.6 là tiêu chí 10.5 cũ, tập trung các dịch vụ hỗ trợ mềm (không bao gồm thư viện, IT, CSVC, labs) - Tiêu chí 6.3, 6.5 như 8.4 cũ - Tiêu chí 6.4 như 8.3 cũ (lập kế hoạch và triển khai cung cấp dịch vụ hỗ trợ như hoạt động ngoại khóa, tư vấn học tập, theo dõi tiến độ và hỗ trợ, hỗ trợ việc làm).

Tiêu chí điều kiện 6.1

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (1)	Yêu cầu của tiêu chí (2)	Minh chứng gợi ý (3)
Tiêu chí 6.1 [Tiêu chí điều kiện]: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của chương trình đào tạo; được công bố công khai và được cập nhật.	1. Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh rõ ràng, đáp ứng các quy định hiện hành và theo yêu cầu của chương trình đào tạo, bao gồm yêu cầu về các kỹ năng cần thiết để NH được tiếp nhận vào khóa học trực tuyến (nếu có). 2. Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh của CTĐT được đánh giá và cập nhật và có sự tham gia của các BLQ. 3. Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được công bố công khai theo quy định để các BLQ dễ dàng tiếp cận.	- Đề án/chính sách tuyển sinh hằng năm (bao gồm chính sách ưu tiên, tổ chức tuyển sinh, nhiệm vụ quyền hạn của CSĐT trong tuyển sinh và các quy định liên quan). - Thông tin về các yêu cầu về các kỹ năng cần thiết để NH được tiếp nhận vào khóa học có đào tạo trực tuyến. - Quy chế/kế hoạch/phương thức tuyển sinh hằng năm của CSĐT liên quan CTĐT. - Quyết định mở ngành/CTĐT được đánh giá đã ban hành. - CSDL, thống kê kết quả tuyển sinh liên quan đến CTĐT. - Báo cáo phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm liên quan đến CTĐT (do cơ CSĐT /CTĐT, đối tác hay một đơn vị độc lập thực hiện). - Các thông báo/kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của CSĐT/đơn vị đào tạo có CTĐT được đánh giá. - Báo cáo tổng kết kết quả tuyển sinh hằng năm liên quan đến CTĐT.

TU CHUẨN 7: CƠ SỞ HẠ TẦNG, CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
7.1	Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai CTĐT, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, NCKH và kết nối PVCĐ.
7.2	Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của CTĐT, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên.
7.3	Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông.
7.4	Có hệ thống CNTT, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, NCKH, kết nối PVCĐ và quản lý hành chính.
7.5	Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái cho người học.
7.6	Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có).
7.7	Năng lực đội ngũ hỗ trợ về CSVC và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.
7.8	Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ CTĐT được định kỳ đánh giá và cải tiến.

Tiêu chuẩn năm 2016	Số tiêu chí (2016)	Tiêu chuẩn năm 2025	Số tiêu chí (2025)	Sự điều chỉnh và nội hàm thay đổi
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	5	Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị	8	Nhấn mạnh phần mềm đáp ứng yêu cầu đào tạo trực tuyến.

Tiêu chí điều kiện 7.3

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (1)	Yêu cầu của tiêu chí (2)	Minh chứng gợi ý (3)
Tiêu chí 7.3 [Tiêu chí điều kiện]: Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông.	1. Có chính sách/hệ thống bảo đảm chất lượng của thư viện với phòng đọc và các nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. 2. Các nguồn học liệu, học liệu số đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ và có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông và tuân thủ quy định về bản quyền.	- Sơ đồ bố trí thư viện và các phòng đọc. - Thống kê danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ CTĐT; số lượng giáo trình, tài liệu, sách tham khảo được cập nhật hàng năm. - Quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện và thư viện số của CSĐT. - Hệ thống theo dõi việc sử dụng tài liệu của thư viện và thư viện số. - Chứng từ thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu, ...). - Ý kiến của NH, GV về mức độ phù hợp của thư viện, thư viện số và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ hàng năm. - Dữ liệu theo dõi hoạt động của thư viện, thư viện số để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và

Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
8.1	Tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học được giám sát để cải tiến chất lượng.
8.2	Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.
8.3	Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.
8.4	Dữ liệu về mức độ đạt CDR của người học được giám sát để cải tiến chất lượng.
8.5	Mức độ hài lòng của các bên liên quan được giám sát để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn năm 2016	Số tiêu chí (2016)	Tiêu chuẩn năm 2025	Số tiêu chí (2025)	Sự điều chỉnh và nội hàm thay đổi
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	5	Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra	5	Bổ sung yêu cầu: - Xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng tỷ lệ khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của người học (TC 8.2) - Xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng hoạt động NCKH và sản phẩm sáng tạo (TC 8.3). - Kết quả đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra của người học (TC 8.4)

Tiêu chí điều kiện 8.2

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (1)	Yêu cầu của tiêu chí (2)	Minh chứng gợi ý (3)
Tiêu chí 8.2 [Tiêu chí điều kiện]: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	1. Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của NH tốt nghiệp được xác lập. 2. Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của NH tốt nghiệp được giám sát. 3. Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của NH tốt nghiệp được đối sánh trong và ngoài CSĐT qua từng năm để CTCL.	- Văn bản quy định/giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân thực hiện lập CSDL và tham mưu giải pháp cải thiện về tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp (VD: chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị, văn bản phân công, điều hành có nội dung này,...). - Bản Kế hoạch hoặc nội dung cụ thể trong Bản Kế hoạch của đơn vị được giao nhiệm vụ về lập CSDL quản lý tình hình việc làm (bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của NH) của đơn vị được giao nhiệm vụ. - Trích xuất CSDL về tình hình việc làm các năm trong chu kỳ đánh giá. - Văn bản thể hiện tiêu chí để chọn CSDL đối sánh. - CSDL để đối sánh giữa các năm, các khoá, các CTĐT trong CSĐT và với CTĐT của một số CSĐT khác. - Báo cáo tổng kết năm học/báo cáo hội nghị/hội thảo chuyên đề liên quan đến tình hình việc làm (trong đó có phân tích thực trạng, nguyên nhân của tồn tại và đề xuất giải pháp khắc phục). - Quy định/văn bản chỉ đạo, điều hành/biên bản cuộc họp cấp Trường/khoa... về thực hiện các giải pháp/kế hoạch cải tiến tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. - Phiếu khảo sát/biên bản khảo sát/biên bản họp/hội thảo... - Báo cáo khảo sát sự hài lòng của các BLQ về NH tốt nghiệp.

HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ THEO THÔNG TƯ SỐ 04/2025/TT-BGDĐT NGÀY 17/02/2025

TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

- HĐ TĐG có số lượng thành viên là số lẻ và có ít nhất 9 thành viên, do Hiệu trưởng hoặc Giám đốc CSĐT quyết định thành lập cho từng CTĐT.
- Báo cáo TĐG được công khai trên trang thông tin điện tử của CSĐT để các tổ chức, cá nhân quan tâm tham khảo.

TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

Thành phần HĐ TĐG CTĐT bao gồm:

- Chủ tịch HĐ là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng CSĐT;
- Phó chủ tịch là một Phó hiệu trưởng và Trưởng đơn vị chuyên môn có CTĐT được đánh giá, trong đó có một phó chủ tịch kiêm trưởng ban thư ký;
- Các thành viên khác gồm: đại diện hội đồng trường là người của cơ sở đào tạo, đại diện hội đồng khoa học và đào tạo; lãnh đạo các đơn vị chuyên môn và đơn vị quản lý có liên quan; GV có kinh nghiệm tham gia tổ chức các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCEĐ thuộc CTĐT được đánh giá;
- Đại diện người học của CTĐT được đánh giá

TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

Thành phần HĐ TĐG CTĐT bao gồm:

- Hội đồng TĐG có ban thư ký giúp việc, bao gồm người của đơn vị chuyên trách về BĐCL giáo dục, lãnh đạo đơn vị và các GV của CTĐT được đánh giá và người của các đơn vị liên quan khác; trưởng ban thư ký là phó chủ tịch hội đồng;
- Các công việc cụ thể của HĐ TĐG được phân công cho các nhóm công tác chuyên trách gồm các thành viên của hội đồng tự đánh giá và ban thư ký.
- Mỗi nhóm công tác chuyên trách có ít nhất 03 người, phụ trách một đến hai tiêu chuẩn và do một thành viên của hội đồng tự đánh giá (không phải là đại diện người học) phụ trách.

TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Hằng năm, CSĐT triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT theo các kiến nghị của HĐ KĐCLGD, báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp về kết quả cải tiến chất lượng và việc khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra trong báo cáo ĐGN.
- Sau khi CTĐT được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng, CSĐT thực hiện việc tự đánh giá giữa chu kỳ, báo cáo Bộ GDĐT, và tổ chức KĐCLGD, cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống BĐ và KĐCLGD ĐH.
- Trong thời gian tối thiểu 09 tháng trước khi giấy chứng nhận KĐCLGD CTĐT hết hạn, CSĐT thực hiện TĐG CTĐT chu kỳ tiếp theo, làm rõ các cải tiến chất lượng so với chu kỳ liên trước đó, đăng ký với tổ chức KĐCLGD để kiểm định chu kỳ tiếp theo.

QUY TRÌNH CHUNG VỀ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

Định kỳ hằng năm:

- Thu thập và phân tích dữ liệu: Khoa thu thập thông tin từ nhiều nguồn, bao gồm:
 - Báo cáo ĐGN các CTĐT, CSGD.
 - Phản hồi và yêu cầu của các bên liên quan từ SV, GV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động, doanh nghiệp để đánh giá hiệu quả của CTĐT (có sự hỗ trợ từ các phòng).
 - Các yêu cầu từ Chuẩn CSGD và các yêu cầu/quy định của Bộ GDĐT
 - ...

QUY TRÌNH CHUNG VỀ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

Định kỳ hằng năm:

- Đánh giá nội bộ: Các khoa tiến hành rà soát CTĐT và TĐG CTĐT của đơn vị dựa trên 8 tiêu chuẩn, 52 tiêu chí của TT 04/2025 (chỉ cần theo check list), lưu trữ dữ liệu, MC liên quan để phục vụ KĐ lại (sau 2-5-7 năm).
- Kết quả đánh giá nội bộ: báo cáo đánh giá nội bộ CTĐT, PP kiểm tra đánh giá, các loại khảo sát, ý kiến các bên liên quan, kết quả đầu ra, việc làm, nhân lực, NCKH, PVCĐ,...
- Báo cáo và đề xuất cải tiến: Kết quả đánh giá hằng năm được tổng hợp thành báo cáo ngắn gọn, trong đó nêu rõ các điểm mạnh, điểm yếu, các biện pháp cải tiến, kết quả cải tiến.
- 9 tháng trước KĐ chu kỳ tiếp theo: TĐG CTĐT (cập nhật MC và viết báo cáo TĐG).

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ

Mức độ cải tiến chất lượng với tiếp cận đánh giá theo Nguyên lý so với tiếp cận đánh giá theo quy định

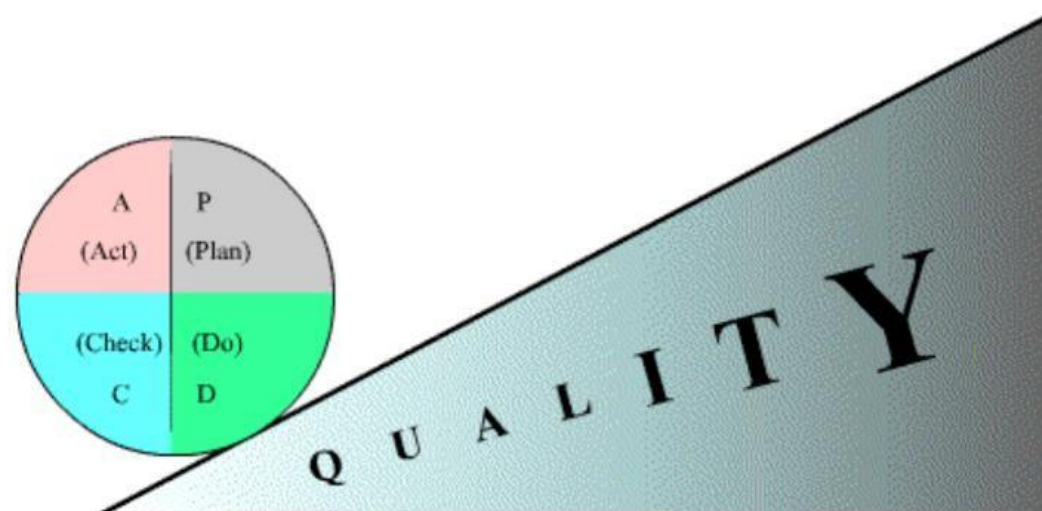
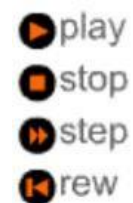


Đảm bảo chất lượng (BĐCL)

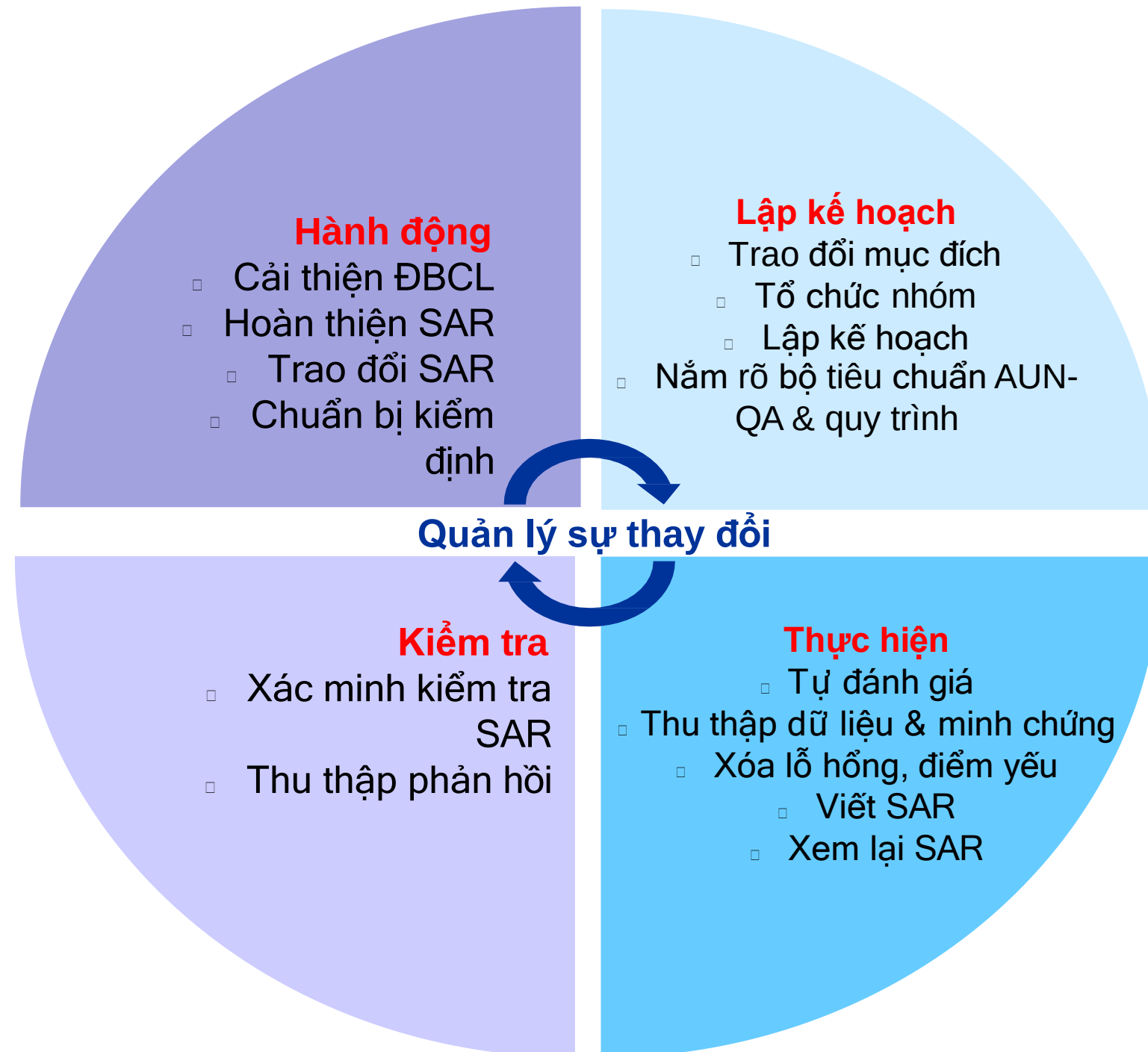
- **BĐCL** là toàn bộ các **hoạt động, quy trình quản lý và đánh giá** có kế hoạch và hệ thống được tiến hành liên tục nhằm duy trì và đảm bảo sự cải tiến chất lượng liên tục; giám sát và đánh giá được hoạt động của **CSGD, CTĐT**.
- **Khoa** → thực hiện BĐCL thế nào?
- **Phòng** → thực hiện BĐCL thế nào?
- **Vai trò dẫn dắt của Đơn vị BĐCL**: hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị **bằng các quy định, biểu mẫu thực hiện**, theo dõi giám sát việc thực hiện BĐCL của các đơn vị.

Hệ thống ĐBCL bên trong (IQA) & PDCA

- Quan trọng là xây dựng và không ngừng cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong (IQA) bao gồm: **văn hóa chất lượng, tổ chức ĐBCL, nhân lực ĐBCL, hệ thống các quy định, quy chế, quản lý, chiến lược, chính sách, triển khai, phản hồi, cải tiến,... về ĐBCL.**
- Chu trình PDCA của Deming là nguyên tắc cơ bản trong ĐBCL.



PDCA đối với quá trình tự đánh giá CTĐT



ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Giai đoạn đầu chưa nên viết ngay báo cáo TĐG
- Nên định kỳ rà soát CTĐT hằng năm; chuẩn bị các dữ liệu, MC, thông tin từ các bên liên quan, làm và lưu báo cáo ngắn gọn về điểm mạnh, điểm yếu liên quan đến CTĐT → sau một thời gian mới bắt đầu viết báo cáo TĐG trên cơ sở tập hợp đầy đủ các MC.
- Có giải pháp khắc phục sớm ngay những điểm yếu có thể khắc phục được.
- Có kế hoạch cải tiến ở cấp trường, cấp khoa → có thể lồng ghép vào kế hoạch ĐBCL CSGD hằng năm.

MỘT SỐ LƯU Ý KHI VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

- Báo cáo TĐG phải thể hiện được sự đánh giá (không chỉ mô tả mà còn phải phân tích/ nhận định làm rõ ưu điểm, hạn chế).
- Là cơ sở để cải tiến và đánh giá.
- Viết theo format quy định của TT 04/2025/TT-BGDĐT
- Minh họa cụ thể cái gì, ở đâu, khi nào, ai thực hiện và như thế nào, cơ chế ĐBCL được thực hiện nhằm hoàn thiện các tiêu chí.
- Chú ý các **dữ liệu và thông tin** (minh chứng khách quan) trực tiếp liên quan đến tiêu chuẩn, tiêu chí. Cung cấp **xu hướng và thống** để chỉ rõ mức độ thành công của quá trình thực hiện
- **Báo cáo TĐG phải cho thấy cả quá trình từ khi bắt đầu cho đến khi cải tiến**
- Phải có danh mục các chữ viết tắt và thuật ngữ được sử dụng trong báo cáo TĐG .

QUY TRÌNH, CHU KỲ KĐCLGD

Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng

CTĐT được công nhận
đạt tiêu chuẩn chất lượng

Thẩm định kết quả

Hội đồng KĐCLGD thẩm định kết quả
đánh giá chất lượng CTĐT

Đánh giá ngoài

Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục
thực hiện đánh giá chất lượng CTĐT

Tự đánh giá

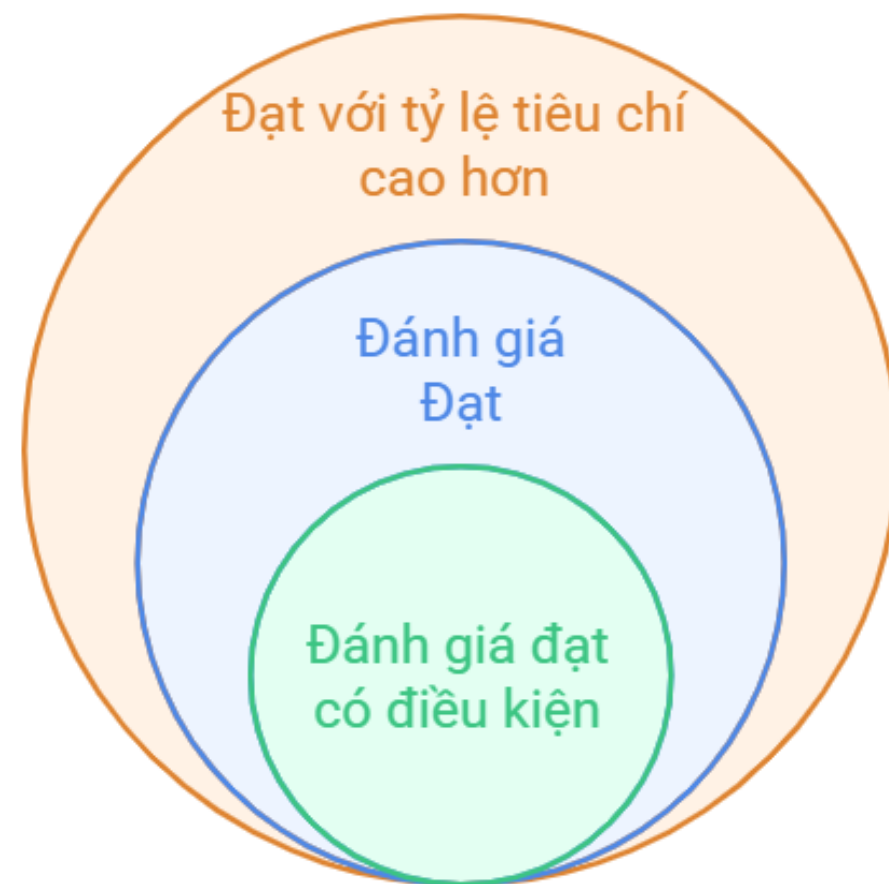
Cơ sở giáo dục
tự đánh giá chất lượng CTĐT



Thời gian công nhận
tối đa 7 năm

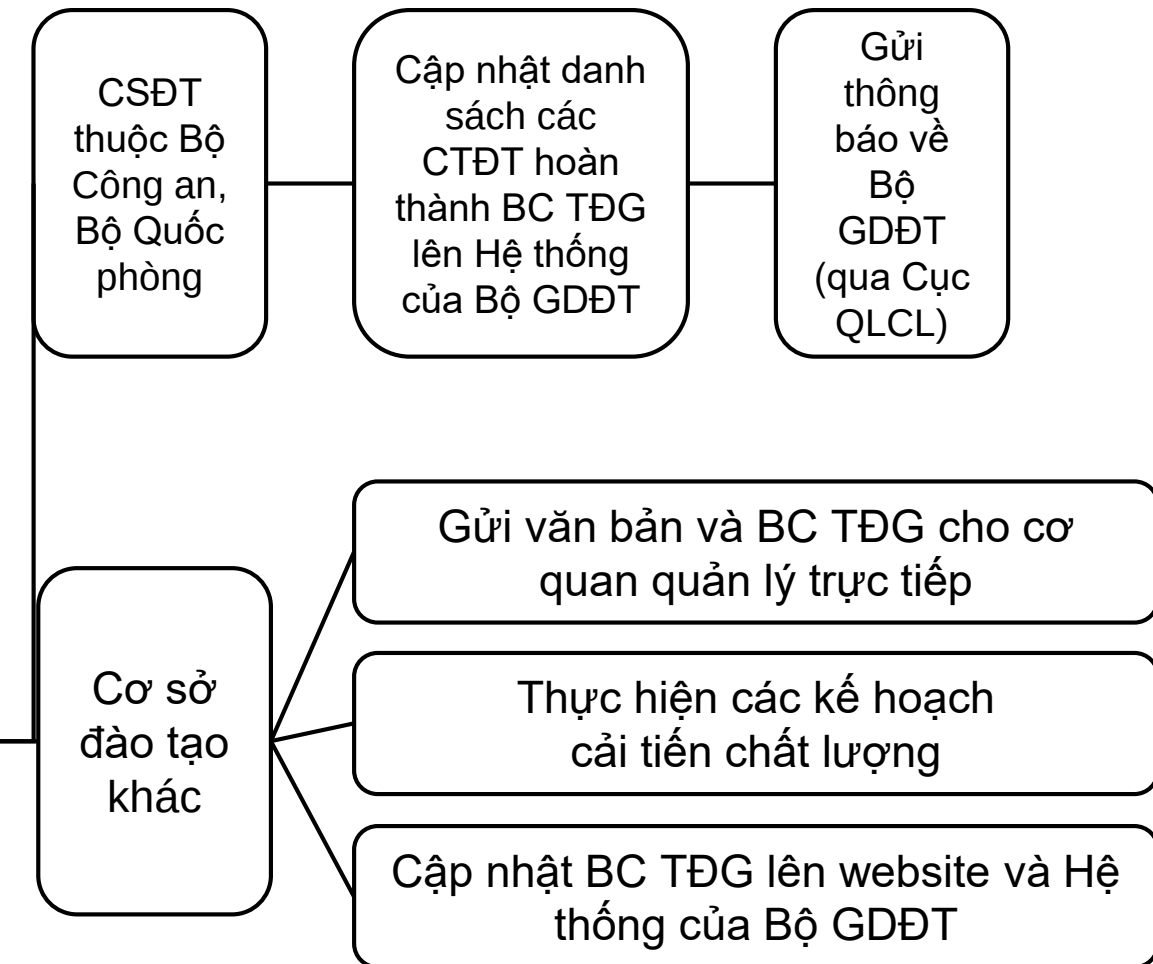
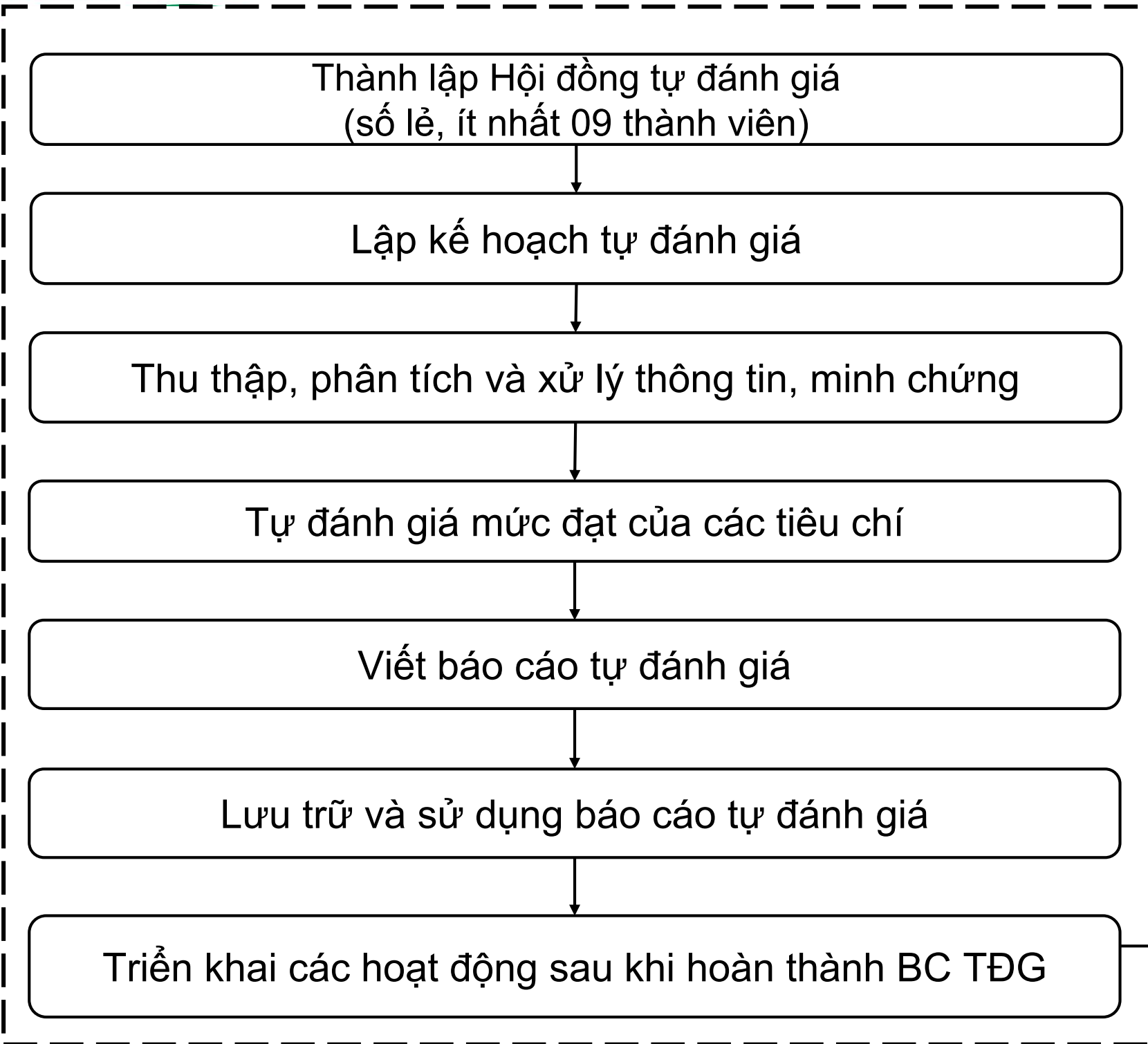
Thời gian công nhận
5 năm

Thời gian công nhận
2 năm



QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

(Mục 2, Chương II, Thông tư 04/2025)



**Một số
thay đổi
của Quy
trình thẩm
định, đánh
giá và công
nhận chất
lượng
CTĐT**

	TT 38/2013 (Điều 14-20)	TT 04/2025 (Điều 22-29)
Đăng ký đánh giá ngoài	Sau khi công bố báo cáo tự đánh giá tối thiểu 30 ngày (Điều 14.1)	Sau khi công bố báo cáo tự đánh giá tối thiểu 20 ngày làm việc (Điều 22.1)
Thẩm định báo cáo	Thời gian: 30 ngày từ khi ký hợp đồng Kết quả: chưa đạt (hoàn thiện) hoặc đạt (Điều 15.2)	- Thời gian: 20 ngày làm việc từ khi hợp đồng có hiệu lực - Kết quả: 3 mức (chưa đạt, cơ bản đạt, đạt) (Điều 23.2)
Đoàn đánh giá ngoài	5-7 thành viên (Điều 16.1) - Trưởng đoàn: Trưởng/Phó khoa hoặc tương đương; Thư ký: thành viên tổ chức kiểm định	- Tối thiểu 3 thành viên, tăng theo số CTĐT (2-8 thành viên cho 2-6 CTĐT) (Điều 24.2) - Trưởng đoàn: lãnh đạo cấp khoa trở lên; Thư ký: kiểm định viên cơ hữu
Trình tự đánh giá	- Nghiên cứu hồ sơ - Khảo sát sơ bộ - Khảo sát chính thức - Dự thảo báo cáo - Hoàn thiện báo cáo (Điều 17)	- Nghiên cứu hồ sơ - Khảo sát sơ bộ (1 ngày) - Khảo sát chính thức (3-5 ngày) - Dự thảo báo cáo - Hoàn thiện báo cáo (Điều 28)
Khảo sát sơ bộ	Không quy định thời gian cụ thể (Điều 17.2)	1 ngày, có thể trực tuyến (Điều 28.2)
Khảo sát chính thức	Không quy định thời gian cụ thể (Điều 17.3)	3-5 ngày, kết hợp trực tiếp/trực tuyến (Điều 28.3)
Dự thảo báo cáo	Gửi cơ sở giáo dục trong 15 ngày làm việc, cần 2/3 thành viên đồng ý (Điều 17.4)	Gửi trong 10 ngày làm việc, cần 2/3 thành viên đồng ý (Điều 28.4)
Phản hồi của cơ sở	15 ngày làm việc để phản hồi (Điều 20.4)	10 ngày làm việc để phản hồi (Điều 28.5.a)
Hoàn thiện báo cáo	Gửi cơ sở giáo dục sau khi tiếp thu/bảo lưu ý kiến (Điều 17.5)	Gửi trong 10 ngày làm việc sau phản hồi, cập nhật HEMIS (Điều 28.5)

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

